

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6**

Bình Dương, Ngày 30 tháng 12 năm 2021

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	5
Điều 1.    Giải thích thuật ngữ .....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....	7
Điều 2.    Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công Ty .....	7
Điều 3.    Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	8
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	8
Điều 4.    Mục tiêu hoạt động của Công Ty .....	8
Điều 5.    Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	9
Điều 6.    Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	9
Điều 7.    Chuyển nhượng cổ phần .....	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	10
Điều 8.    Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	10
Điều 9.    Quyền của Cổ đông .....	10
Điều 10.   Nghĩa vụ của cổ đông .....	13
Điều 11.   Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 12.   Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 13.   Người Được Ủy Quyền Dự Họp .....	19
Điều 14.   Thay đổi các quyền .....	19
Điều 15.   Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 16.   Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 17.   Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 18.   Điều kiện để Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 19.   Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	25
Điều 20.   Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	27
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	28
Điều 21.   Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	28
Điều 22.   Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị .....	29
Điều 23.   Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	31

Điều 24.	Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị .....	32
Điều 25.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	36
Điều 26.	Người phụ trách quản trị công ty .....	36
<b>VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>		<b>36</b>
Điều 27.	Tổ chức bộ máy quản lý .....	36
Điều 28.	Giám Đốc Điều Hành .....	37
Điều 29.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc .....	37
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>		<b>39</b>
Điều 30.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) .....	39
Điều 31.	Thành phần Ban Kiểm soát .....	39
Điều 32.	Trưởng Ban kiểm soát .....	40
Điều 33.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	40
Điều 34.	Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	41
Điều 35.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát .....	41
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>		<b>42</b>
Điều 36.	Trách nhiệm cẩn trọng .....	42
Điều 37.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	42
Điều 38.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	44
<b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>		<b>44</b>
Điều 39.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ .....	44
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>		<b>45</b>
Điều 40.	Công nhân viên và công đoàn .....	45
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>		<b>45</b>
Điều 41.	Phân phối lợi nhuận .....	45
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....</b>		<b>46</b>
Điều 42.	Tài khoản ngân hàng .....	46
Điều 43.	Năm tài chính .....	46
Điều 44.	Chế độ kế toán .....	46
<b>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>		<b>46</b>
Điều 45.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý .....	47
Điều 46.	Báo cáo thường niên .....	47
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>		<b>47</b>
Điều 47.	Kiểm toán .....	47
<b>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP .....</b>		<b>47</b>

Điều 48. Dấu của doanh nghiệp.....	47
<b>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY .....</b>	<b>48</b>
Điều 49. Chấm dứt hoạt động – Giải thể.....	48
Điều 50. Thanh lý .....	48
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>49</b>
Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	49
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>49</b>
Điều 52. Điều lệ công ty.....	49
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>49</b>
Điều 53. Ngày hiệu lực .....	49

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều Lệ này của Công ty Cổ phần Beton 6 (“**Công ty**”) được soạn thảo dựa theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 2021, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 2021, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Thông Tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Điều Lệ Mẫu ban hành theo Thông Tư 116/2020/TT-BTC.

Điều Lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Công Ty số 3012/NQ-ĐHĐCĐ-BT6 ngày 30 tháng 12 năm 2021.

## I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1.1 Trong Điều lệ này, **những** thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- (a) “**Chi Nhánh**” là đơn vị phụ thuộc của Công Ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công Ty, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của Chi Nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của Công Ty;
- (b) “**Công Ty**” được quy định trong Điều Lệ này là CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6, như được quy định tại Điều 2 Điều Lệ này;
- (c) “**Công Ty Con**” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Công Ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Công Ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của doanh nghiệp đó; hoặc (iii) các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- (d) “**Cổ Đông**” có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty;
- (e) “**Cổ Đông Lớn**” là Cổ Đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty như được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán;
- (f) “**Địa Điểm Kinh Doanh**” là nơi Công Ty tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể. Địa Điểm Kinh Doanh có thể lập tại địa chỉ khác nơi Công Ty đặt trụ sở chính hoặc đặt Chi Nhánh;

- (g) “**Đơn Vị Trực Thuộc**” bao gồm các Chi Nhánh, Văn Phòng Đại Diện, Địa Điểm Kinh Doanh và Công Ty Con;
- (h) “**Luật Chứng Khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- (i) “**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- (j) “**Ngày Thành Lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- (k) “**Người Có Liên Quan**” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.
- (l) “**Người Được Ủy Quyền Dự Họp**” là người được Chủ Đổng ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- (m) “**Người Quản Lý Doanh Nghiệp**” là
  - (i) Chủ Tịch và thành viên Hội Đồng Quản Trị;
  - (ii) Tổng Giám Đốc; và
  - (iii) Các Giám Đốc Điều Hành.
- (n) “**Pháp Luật**” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- (o) “**Thời Hạn Hoạt Động**” là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2 Điều Lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại Hội Đồng Cổ Đổng của Công Ty thông qua;
- (p) “**Văn Phòng Đại Diện**” là đơn vị phụ thuộc của Công Ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công Ty và bảo vệ các lợi ích đó. Văn phòng đại diện không thực hiện chức năng kinh doanh của Công Ty
- (q) “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- (r) “**Vốn Điều Lệ**” là tổng mệnh giá cổ phần đang lưu hành hoặc đã bán được

quy định tại Điều 6 Điều Lệ này.

- 1.2 Trong Điều Lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu đến sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng.
- 1.3 Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều Lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Điều Lệ này.
- 1.4 Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều Lệ này.

## II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công Ty**

2.1 Tên Công Ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6
- Tên tiếng Anh: BETON 6 CORPORATION
- Tên viết tắt/giao dịch: BT6 CORP.
- Mã cổ phiếu giao dịch: BT6

2.2 Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3 Trụ sở đăng ký của Công Ty:

- Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (0274) 3751617 – (0274) 3750054
- Fax: (0274) 3751628
- Email: info@beton6.com
- Website: www.beton6.com

2.4 Công Ty có thể thành lập Đơn Vị Trực Thuộc; chia, tách và chuyển đổi Đơn Vị Trực Thuộc tại Địa Bàn Kinh Doanh để thực hiện các mục tiêu của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi cho phép của Pháp Luật và Điều

Lệ này.

- 2.5 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều Lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô thời hạn kể từ Ngày Thành Lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

- 3.1 Công Ty chỉ có một (01) người đại diện theo pháp luật. Theo đó, Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 3.2 Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là cá nhân đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật.
- 3.3 Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có trách nhiệm sau đây:
- (a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công Ty;
  - (b) Trung thành với lợi ích của Công Ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; và
  - (c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, Người Có Liên Quan mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Pháp Luật.
- 3.4 Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công Ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 3 Điều này.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công Ty**

- 4.1 Ngành, nghề kinh doanh của Công Ty được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm Điều Lệ này. Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều Lệ.
- 4.2 Triết lý kinh doanh và mục tiêu của Công Ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công Ty nhằm: (i) tối đa hóa lợi ích và nâng cao giá trị của Công Ty trong sự hài hòa lợi ích của các Cổ Đông; (ii) không ngừng nâng cao đời sống, thu nhập và môi trường làm việc của người lao động; và (iii) đảm bảo lợi ích của các bên liên quan khác nhằm hướng đến việc phát triển bền vững và có trách nhiệm.
- 4.3 Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của



cơ quan quản lý thì Công Ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

## **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

- 5.1 Công ty được phép được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều Lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với quy định của Pháp Luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
- 5.2 Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Pháp Luật cho phép.

## **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

- 6.1 Vốn điều lệ của Công ty là 329.935.500.000 đồng (bằng chữ: ba trăm hai mươi chín tỷ chín trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ngàn).

Tổng số Vốn điều lệ của Công Ty được chia thành 32.993.550 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

- 6.2 Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 9 và Điều 10 Điều Lệ này.
- 6.3 Công Ty chỉ có thể tăng, giảm Vốn Điều Lệ của mình khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
- 6.4 Trong quá trình hoạt động của mình, Công Ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
- 6.5 Trong trường hợp Công Ty phát hành thêm cổ phần phổ thông mới thì cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ Đông trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác. Công Ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một (21) ngày hoặc thời hạn khác theo quy định của Pháp Luật), để Cổ Đông đặt mua. Số cổ phần phổ thông mà Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các cổ đông và các đối tượng khác với điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp, nhưng phải đảm bảo các điều kiện này không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có chấp thuận khác hoặc Pháp Luật có quy định khác.

- 6.6 Công ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và Pháp Luật hiện hành.
- 6.7 Công Ty có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp Luật. Trong trường hợp này, chứng chỉ trái phiếu chuyển đổi hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty được phát hành phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty.

## **Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần**

- 7.1 Tất cả các Cổ Phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều Lệ này và Pháp Luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 7.2 Trong trường hợp một Cổ Đông là cá nhân chết; bị mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì những người thừa kế (bao gồm thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật) hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của Cổ Đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Công Ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần; và quy định này không được hiểu là Cổ Đông đã chết, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự được miễn trừ trách nhiệm của mình khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 8. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- (a) Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (b) Hội Đồng Quản Trị;
- (c) Ban Kiểm Soát;
- (d) Tổng Giám Đốc;
- (e) Các Giám Đốc Điều Hành.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 9. Quyền của Cổ đông**

- 9.1 Cổ Đông là chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
- 9.2 Cổ Đông phổ thông có các quyền sau:
- (a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực

hiện quyền biểu quyết một cách trực tiếp tại Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hội hoặc thực hiện quyền biểu quyết thông hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- (b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật hiện hành;
- (d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ Đông trong Công Ty;
- (e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến chính Cổ Đông đó trong danh sách Cổ Đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông của Công Ty và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- (f) Trong trường hợp Công Ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại của Công Ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mình sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ khác và sau các Cổ Đông có sở hữu cổ phần ưu đãi;
- (g) Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh Nghiệp;
- (h) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công Ty công bố theo quy định của Pháp Luật;
- (i) Được Công Ty đối xử bình đẳng. Theo đó, mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ Đông;
- (j) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp; và
- (k) các quyền khác theo quy định tại Điều Lệ và Pháp Luật.

9.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- (a) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: (i) Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc (ii) khi Hội Đồng Quản Trị vi phạm Điều Lệ Công Ty hoặc thực hiện trái với các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

- (b) Xem xét, tra cứu, trích lục danh sách các Cổ Đông tham dự và bỏ phiếu tại Đại Hội Đồng Cổ Đông sau mỗi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
- (c) Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- (d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- (e) Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

9.4 Cổ Đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát như sau:

- (a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (b) Căn cứ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị Và Ban Kiểm Soát, Cổ Đông Hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và các Cổ Đông khác đề cử.

9.5 Việc đề cử, ứng cử ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 4 phải tuân theo nguyên tắc sau:

Số lượng người tối đa được phép đề cử, ứng cử:

- (a) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;
- (b) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới

bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa hai (02) ứng viên đề bầu vào Hội Đồng Quản Trị;

- (c) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa ba (03) ứng viên đề bầu vào Hội Đồng Quản Trị;
- (d) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên đề bầu vào Hội Đồng Quản Trị;
- (e) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ tám mươi phần trăm (80%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử đủ ứng viên đề bầu vào Hội Đồng Quản Trị;

**9.6** Việc đề cử, ứng cử ứng viên đề bầu vào Ban Kiểm Soát của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 4 phải tuân theo nguyên tắc sau:

Số lượng người tối đa được phép đề cử, ứng cử:

- (a) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa một (01) ứng viên đề bầu vào Ban Kiểm Soát;
- (b) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa hai (02) ứng viên đề bầu vào Ban Kiểm Soát;
- (c) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa hai (03) ứng viên đề bầu vào Ban Kiểm Soát;
- (d) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ bảy mươi phần trăm (70%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử đủ ứng viên đề bầu vào Ban Kiểm Soát.

## **Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông**

**10.1** Cổ Đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- (a) Tuân thủ Điều Lệ; chấp hành các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các quyết định Hội Đồng Quản Trị;
- (b) Tham gia các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc thực hiện bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành

viên Hội Đồng Quản Trị làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

- (c) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty;
- (d) Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trong trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái quy định tại khoản này Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng nhau liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- (e) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- (f) Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- (g) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - (i) Vi phạm Pháp Luật;
  - (ii) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - (iii) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.
- (h) Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.
- (i) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật hiện hành.

## 10.2 Nghĩa vụ công bố thông tin của Cổ Đông lớn:

- (a) Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là Cổ Đông lớn của Công Ty phải công bố thông tin và gửi báo cáo bằng văn bản đến Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty được giao dịch theo đúng quy định Pháp Luật;
- (b) Báo cáo về sở hữu của Cổ Đông lớn phải thực hiện theo mẫu theo quy định của Pháp Luật.
- (c) Khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng một phần

trăm (01%) số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì Cổ Đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo cho Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty được giao dịch theo quy định của Pháp Luật. Báo cáo được thực hiện theo mẫu theo quy định của Pháp Luật.

- (d) Quy định tại các Điểm (a), Điểm (b) và Điểm (c) trên đây cũng áp dụng đối với Người Có Liên Quan của Cổ Đông Lớn sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.
- (e) Các Quy định tại các Điểm (a), Điểm (b), Điểm (c) và Điểm (d) trên đây không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công Ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công Ty phát hành thêm cổ phiếu.

## **Điều 11. Đại hội đồng cổ đông**

- 11.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội Đồng Quản Trị quyết định gia hạn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 11.2 Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
- 11.3 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - (a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - (b) Khi số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp Luật;
  - (c) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ Đông có liên quan;
  - (d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;

- (e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.

#### 11.4 Trách nhiệm triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường:

- (a) Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm Soát còn lại như quy định tại Điểm (b) Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm (c) và Điểm (d) khoản 3 Điều này;
- (b) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điểm (a) Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- (c) Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (d) Người triệu tập phải lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp.
- (e) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được Công Ty hoàn lại. Những chi phí này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông, kê cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

##### 12.1 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
- (b) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
- (c) Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- (d) Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát;



- (e) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- (f) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- (g) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- (h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
- (i) Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ Công Ty;
- (j) Thông qua ngành, nghề kinh doanh của Công Ty;
- (k) Quyết định thay đổi Vốn Điều Lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Vốn Điều Lệ;
- (l) Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- (m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;
- (n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
- (o) Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông của Công Ty;
- (p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công Ty hoặc các Đơn Vị Trực Thuộc có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- (q) Công Ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) một loại cổ phần phát hành;
- (r) Công Ty hoặc các Đơn Vị Trực Thuộc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- (s) Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- (t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

- (u) Chấp thuận các giao dịch sau:
- (i) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Giám Đốc Điều Hành không phải là Cổ Đông và Người Có Liên Quan của các đối tượng này;
  - (ii) Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty giữa Công Ty/Đơn Vị Trực Thuộc và các đối tượng sau:
    - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám Đốc Điều Hành và Người Có Liên Quan của các đối tượng này;
    - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công Ty và những Người Có Liên Quan của họ;
    - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
  - (iii) Hợp đồng/giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó.
- (b) Quyết định số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị; và
- (c) Các vấn đề khác theo quy định của Điều Lệ này và các quy chế khác của Công Ty.

**12.2** Cổ Đông không có quyền tham gia biểu quyết trong trường hợp phát sinh các giao dịch mà Cổ Đông hoặc Người Có Liên Quan đến Cổ Đông có quyền và lợi ích liên quan, cụ thể như sau:

- (a) Các hợp đồng/giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 12 này nếu Cổ Đông đó hoặc Người Có Liên Quan tới Cổ Đông đó là một bên của hợp đồng/giao dịch; hoặc
- (b) Việc mua lại cổ phần của Cổ Đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ Đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khởp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

**12.3** Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông.

## Điều 13. Người Được Ủy Quyền Dự Họp

- 13.1 Cổ Đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định Pháp Luật, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự (“**Người Được Ủy Quyền Dự Họp**”). Người Được Ủy Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là Cổ Đông.
- 13.2 Việc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải được lập bằng văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự. Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 13.3 Phiếu biểu quyết của Người Được Ủy Quyền Dự Họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi:
- (a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - (b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc
  - (c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, Điều khoản này không được áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện nêu trên chậm nhất là hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

- 13.4 Mọi hạn chế của Cổ Đông đối với Người Được Ủy Quyền Dự Họp trong việc thực hiện các quyền của Cổ Đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

## Điều 14. Thay đổi các quyền

- 14.1 Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 14.2 Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ Đông (hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được

Ủy Quyền Dự Hợp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

- 14.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 15, Điều 15 và Điều 17 Điều Lệ này.
- 14.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

## **Điều 15. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

- 15.1 Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều Lệ này.
- 15.2 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- (a) Chuẩn bị danh sách Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
  - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
  - (c) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
  - (d) Dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
  - (e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
  - (f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp;
  - (g) Các công việc khác phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 15.3 Thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người

triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ Đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- (a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- (b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát;
- (c) Phiếu biểu quyết;
- (d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

15.4 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

15.5 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- (a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- (b) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

15.6 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.

15.7 Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho những vấn đề trong chương trình họp.

## **Điều 16. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

16.1 Cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Họp có mặt tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đại diện cho ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ tỷ lệ cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp huỷ cuộc họp.

- 16.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên. Trường hợp Đại hội đồng lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ tỷ lệ cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu họp hủy cuộc họp.
- 16.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

## **Điều 17. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

- 17.1 Vào ngày tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó.
- 17.2 Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 17.3 Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ Tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm Soát điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - Trừ trường hợp quy định tại điểm (a) khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

- (d) Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- 17.4 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 17.5 Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
- 17.6 Không cần lấy ý kiến của Đại Hội Đồng Cổ Đông, bất cứ lúc nào chủ tọa Đại hội cũng có thể tạm dừng Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng có một trong các trường hợp sau đây: (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông; (b) hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; (c) phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; hoặc (d) một sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn Đại Hội Đồng Cổ Đông. Thời gian hoãn tối đa trong mọi trường hợp không được quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại hội đồng cổ đông bị hoãn sẽ không xem xét thêm bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hoãn trước đó.

Trường hợp chủ tọa tạm dừng hoặc hoãn Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng. Cách thức bầu chủ tọa Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo trình tự được quy định tại Khoản 4 Điều này.

- 17.7 Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- (a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- (c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

Trong trường hợp tại Đại Hội Đồng Cổ Đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Chủ tọa có thể:

- (c) Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“**địa điểm chính của Đại hội**”);
- (d) Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

17.8 Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền sau đây:

- (a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- (b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

17.9 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

17.10 Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

## **Điều 18. Điều kiện để Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

18.1 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông qua bởi Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ Đông (và Người Được Ủy Quyền Dự Họp) dự họp tán thành, hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.



- 18.2 Các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông liên quan đến các vấn đề sau được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp đại hội đồng cổ đông); hoặc ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản:
- (a) loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu từng loại được chào bán;
  - (b) sáp nhập, tái cơ cấu và giải thể Công Ty;
  - (c) thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - (d) thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
  - (e) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công Ty hoặc các Đơn Vị Trực Thuộc có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công Ty trở lên tính theo Báo cáo tài chính gần nhất.
- 18.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
- 18.4 Những nghị quyết được Đại Hội Đồng Cổ Đông nhất trí thông qua ở tỷ lệ một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.
- 18.5 Người chủ trì Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và được công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm Đại Hội Đồng Cổ Đông kết thúc.

## **Điều 19. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 19.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- 19.2 Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết

và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

**19.3** Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (b) Mục đích lấy ý kiến;
- (c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- (e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- (f) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

**19.4** Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- (a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- (b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- (c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

**19.5** Hội Đồng Quản Trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- (c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- (e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 19.6 Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 19.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 19.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, hoặc từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) với các vấn đề được quy định tại Khoản 2 Điều 18 nói trên, có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

## **Điều 20. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

- 20.1 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến, Đại hội đồng cổ đông, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài của Việt Nam xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - (a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, trừ trường hợp được quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều Lệ này;
  - (b) Trình tự, thủ tục ban hành nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm Pháp Luật hoặc Điều Lệ này.

- 20.2 Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

## VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 21. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 21.1 Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị là năm (5) người.
- 21.2 Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là năm (05) năm. Trong đó, nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị phải theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Thành Viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, ngoại trừ việc một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Trường hợp bầu bổ sung hoặc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm thì nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung, thay thế này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị.

- 21.3 Cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty như sau:
- (c) Công Ty phải đảm bảo tối thiểu là một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành
  - (d) Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội Đồng Quản Trị.
- 21.4 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không phải là Cổ Đông của Công Ty, không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.
- 21.5 Một thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị khi bị Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
- (e) Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau:
    - (i) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Pháp luật và quy định của Công Ty;
    - (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
    - (iii) Thành viên đó bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ

Đông nếu Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết;

- (f) Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau:
  - (i) Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 tháng liên tục, từ trường hợp bất khả kháng;
  - (ii) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết;

21.6 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Điều 22. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị**

22.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Công Ty trừ những quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

22.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị do Pháp Luật, Điều Lệ và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định, cụ thể Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
- (b) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;
- (d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với (i) Tổng Giám đốc hay (ii) bất kỳ Giám đốc Điều Hành nào của Công Ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những Người Quản Lý đó;
- (e) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó;
- (f) Quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị dựa trên ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt;
- (g) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty;

- (h) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (i) Quyết định thành lập, chấm dứt hoạt động của Chi Nhánh hoặc Văn Phòng Đại Diện;
- (j) Quyết định việc thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình và giải thể Công Ty Con;
- (k) Quyết định việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- (l) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- (m) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Quản Lý đó;
- (n) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- (o) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
- (p) Quyết định việc phát hành trái phiếu và các hình thức huy động vốn khác của Công Ty;
- (q) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng quyền chuyển đổi của Công Ty;
- (r) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- (s) Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty.
- (t) Hội đồng quản trị quyết định thông qua các hợp đồng, giao dịch lớn của Công Ty hoặc Đơn Vị Trục Thuộc của Công Ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hợp đồng, giao dịch mua, bán, vay, cho vay, sáp nhập, thu tóm công ty, liên doanh và các hợp đồng, giao dịch khác) có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi lăm phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, và ngoại trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- (u) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công Ty;
- (v) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn

theo quy định của Pháp Luật;

- (w) Việc Công Ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần; Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;
- (x) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Nghị quyết;
- (y) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (z) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế công bố thông tin của Công Ty;
- (aa) Quyết định bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị xét thấy cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình để đảm bảo hoạt động của Công Ty; và
- (bb) Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty;

22.3 Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định Pháp Luật.

22.4 Trừ khi Pháp Luật và Điều Lệ quy định khác, Hội Đồng Quản Trị có thể uỷ quyền cho Người Quản Lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công Ty.

22.5 Thù lao và các lợi ích khác của các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

22.6 Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 23. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

23.1 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

23.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám Đốc.

23.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

- (b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị;
  - (c) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội Đồng Quản Trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội Đồng Quản Trị cho các Cổ Đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông;
  - (d) Thay mặt Hội Đồng Quản Trị ký các Quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
  - (e) Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
  - (f) Kiến nghị lên Hội Đồng Quản Trị, Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội Đồng Quản Trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
  - (g) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
  - (h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
- 23.4 Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.
- 23.5 Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Trong trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

## **Điều 24. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị**

### **24.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị**



Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị và trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất (được bầu tại Đại Hội Đồng Cổ Đông) triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số.

#### 24.2 Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị thường kỳ

Chủ tịch của Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

#### 24.3 Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị bất thường

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- (a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Giám đốc Điều Hành;
- (b) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc một thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- (c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- (d) Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.

Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- 24.4 Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

#### 24.5 Địa điểm họp.

Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được tiến hành tại địa chỉ trụ sở chính của Công Ty hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và được sự nhất trí của Hội Đồng Quản Trị.

#### 24.6 Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị

Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tùy thuộc vào từng thời điểm, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

#### 24.7 Số thành viên tham dự tối thiểu

Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị lần thứ nhất chỉ có thể được tiến khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (b) Ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- (c) Ủy quyền cho người khác không phải thành viên Hội Đồng Quản Trị khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp nhận;
- (d) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- (e) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại lần hai trong trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

#### 24.8 Biểu quyết.

- (a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị (hoặc người được ủy quyền theo Điểm (b) hoặc (c) Khoản (7) Điều 24 trên) tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có một (01) phiếu biểu quyết.
- (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội Đồng Quản

Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

Bất kỳ thành viên Hội Đồng Quản Trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại Khoản 4 Điều 32 của Điều Lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng hoặc giao dịch đó.

- (c) Theo quy định tại Điểm b Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

#### **24.9 Biểu quyết thông qua các quyết định.**

Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt (trên năm mươi phần trăm (50%).

#### **24.10 Công khai lợi ích.**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó phải có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội Đồng Quản Trị lần đầu tiên xem xét về vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị đó không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

#### **24.11 Quyết định bằng văn bản.**

Quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết. Quyết định này có hiệu lực và giá trị như quyết định được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

#### **24.12 Biên bản cuộc họp.**

Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải bao gồm tất cả các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

## 24.13 Những người được mời họp dự thính.

Tổng Giám đốc, các Giám đốc Điều Hành và các chuyên gia có thể dự họp Hội Đồng Quản Trị theo lời mời của Hội Đồng Quản Trị nhưng không được biểu quyết.

## **Điều 25. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

- 25.1 Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 25.2 Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

## **Điều 26. Người phụ trách quản trị công ty**

- 26.1 Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả (**Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty**). Nhiệm kỳ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty do Hội đồng quản trị quyết định. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty. Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.
- 26.2 Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có trách nhiệm tư vấn và hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị bằng việc tập trung vào bốn (04) lĩnh vực sau: (i) Quản trị, (ii) Tư vấn, (iii) Trao đổi thông tin, (iv) Tuân thủ.

## **VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị. Công Ty có một (01) Tổng Giám đốc và một số Giám Đốc Điều Hành. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội Đồng Quản Trị được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc Điều hành là người giúp Tổng Giám đốc một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội Đồng Quản Trị và Pháp Luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền.

## Điều 28. Giám Đốc Điều Hành

- 28.1 Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty sẽ có một số vị trí Giám đốc Điều Hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu tổ chức và thông lệ quản lý Công Ty do Hội Đồng Quản Trị quyết định tùy từng thời điểm. Giám đốc Điều Hành phải có trách nhiệm hỗ trợ Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- 28.2 Mức lương, tiền thù lao, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của các Giám đốc Điều Hành sẽ do Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc; trường hợp chưa tổ chức được việc lấy ý kiến Hội Đồng Quản Trị, những vấn đề này thực hiện theo quyết định của Tổng Giám Đốc và phải được trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn trong cuộc họp gần nhất. Thông tin về mức lương của Giám đốc Điều Hành phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên của Công Ty.

## Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

### 29.1 Bổ nhiệm.

Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên của Công Ty.

- 29.2 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc được không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

### 29.3 Quyền hạn và nhiệm vụ.

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- (a) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- (b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết định của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- (c) Kiến nghị số lượng và các vị trí quản lý mà Công Ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như cơ cấu tổ chức do Hội Đồng Quản Trị đề xuất và tư vấn cho Hội Đồng Quản Trị để quyết định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Giám đốc Điều Hành;

- (d) Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (e) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
- (f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;
- (g) Chuẩn bị chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm để trình Hội đồng quản trị thông qua;
- (h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- (i) Tổng Giám đốc sẽ là người đại diện cho Công Ty hoặc ủy quyền cho Giám đốc Điều Hành để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động;
- (j) Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;
- (k) Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo đúng quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và các quy chế của Công Ty do Hội đồng quản trị ban hành, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công Ty. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty;
- (l) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

#### 29.4 Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ Đông.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

#### 29.5 Bãi nhiệm, miễn nhiệm.

Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc với quyết định đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị này kiêm Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám Đốc mới thay thế.

**IX. BAN KIỂM SOÁT****Điều 30. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

**30.1** Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công Ty công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (b) Trình độ chuyên môn;
- (c) Quá trình công tác;
- (d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban Kiểm soát của công ty khác);
- (e) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;

**30.2** Cổ Đông và nhóm Cổ Đông đề cử ứng viên vào Ban Kiểm Soát theo Khoản 6 Điều 9 của Điều Lệ. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của Pháp Luật.

**Điều 31. Thành phần Ban Kiểm soát**

**31.1** Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát của Công Ty ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát là không quá 05 năm và theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**31.2** Thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- (a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
- (b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó.

**31.3** Thành viên Ban Kiểm Soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

31.4 Thành viên Ban Kiểm Soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- (a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- (b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ;
- (d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.

### **Điều 32. Trưởng Ban kiểm soát**

32.1 Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

32.2 Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- (e) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- (f) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát;
- (g) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông.

### **Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban Kiểm Soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

33.1 Đề xuất, kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

33.2 Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông về hoạt động giám sát của mình.

33.3 Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý, người điều hành khác.



- 33.4 Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Cổ Đông.
- 33.5 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Giám đốc Điều Hành và người quản lý, khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm Soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 33.6 Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.
- 33.7 Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 33.8 Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.
- 33.9 Có quyền yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc Giám đốc Điều Hành và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 33.10 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 34. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

- 34.1 Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm Soát. Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm Soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm Soát.
- 34.2 Ban kiểm soát có quyền đề nghị thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Giám đốc Điều Hành, người quản lý khác, và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và thảo luận các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 35. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 35.1 Thành viên Ban Kiểm Soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát.

- 35.2 Thành viên Ban Kiểm Soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.
- 35.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

## X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

### Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều Hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy Ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và vì lợi ích cao nhất của Công Ty với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 37.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều Hành không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
- 37.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều Hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung thông báo bao gồm:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
  - (b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên trên mười phần trăm (10%) Vốn Điều Lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa

đôi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Cổ Đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty. Trường hợp bắt buộc phải thực hiện công việc nhân danh cá nhân thì phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

37.3 Công Ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều Hành và Người Có Liên Quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

37.4 Theo Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty và các đối tượng sau đây:

(a) Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ; hoặc

(b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám Đốc Điều Hành và Người Có Liên Quan của họ; hoặc

(c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều Hành làm chủ, có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; hoặc doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều Hành làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ; sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu:

(i) Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;

(ii) Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội

đồng cổ đông chấp thuận và cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều Hành và Người Có Liên Quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- 37.5 Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, một Giám đốc Điều Hành hay Người Có Liên Quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công Ty hoặc Công Ty Con vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ Đông khác lại không biết những thông tin này.

### **Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều Hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn theo quy định tại Điều Lệ này, và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 39. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

- 39.1 Cổ Đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

- (a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ công ty, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (b) Cổ Đông hoặc Nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần cổ đông phổ thông trở lên có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ các tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty. Yêu cầu kiểm tra do phía đại diện được uỷ quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

- 39.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều Hành có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

- 39.3 Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng

nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính của Công Ty hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

39.4 Điều Lệ phải được công bố trên website của Công Ty.

## XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

### Điều 40. Công nhân viên và công đoàn

- 40.1 Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Giám Đốc Điều Hành.
- 40.2 Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định pháp luật hiện hành.

## XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

### Điều 41. Phân phối lợi nhuận

- 41.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.
- 41.2 Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 41.3 Hội Đồng Quản Trị có thể kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội Đồng Quản Trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- 41.4 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.
- 41.5 Theo chấp thuận của các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bỏ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua

trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán xác thực nhất. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- 41.6 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 41.7 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

### Điều 42. Tài khoản ngân hàng

- 42.1 Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 42.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

### Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ Ngày Thành Lập và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười Hai của năm đó, nếu Pháp Luật cho phép.

### Điều 44. Chế độ kế toán

- 44.1 Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
- 44.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
- 44.3 Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG

## BỘ THÔNG TIN

### Điều 45. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

- 45.1 Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công Ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 45.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công Ty.
- 45.3 Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### Điều 46. Báo cáo thường niên

Công Ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

### Điều 47. Kiểm toán

- 47.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội Đồng Quản Trị.
- 47.2 Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
- 47.3 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty được tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty.

## XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

### Điều 48. Dấu của doanh nghiệp

- 48.1 Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
- 48.2 Hội đồng quản trị quyết định con dấu chính thức của Công Ty và các Đơn Vị Trục

Thuộc.

- 48.3 Việc quản lý và sử dụng con dấu thực hiện theo quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Công Ty và pháp luật hiện hành.

## XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

### Điều 49. Chấm dứt hoạt động – Giải thể

49.1 Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- (a) Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công Ty phá sản của theo quy định của Pháp Luật hiện hành;
- (b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

49.2 Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### Điều 50. Thanh lý

50.1 Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập ban thanh lý gồm (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.

50.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

50.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- (a) Các chi phí thanh lý;
- (b) Lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- (c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- (d) Các khoản vay (nếu có);
- (e) Các khoản nợ khác của Công Ty;



- (f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước (nếu có).

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

51.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- (a) Cổ đông với Công ty;
- (b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Giám Đốc Điều Hành;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi ngày (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

51.2 Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu mươi (60) ngày từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 52. Điều lệ công ty**

- 52.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- 52.2 Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 53. Ngày hiệu lực**

53.1 Bản điều lệ này gồm [21 mục, 53 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần

Beton 6 nhất trí thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

- 53.2 Bản Điều lệ này thay thế Bản Điều lệ ngày 31/08/2018.
- 53.3 Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 53.4 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 53.5 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**LÊ NGUYỄN PHƯƠNG**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

## PHỤ LỤC 1 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Mã ngành 2395 (chính): Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. (Chi tiết: Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc, ...) (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)
- Mã ngành 4210: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Đầu tư, thi công cầu cống, đường giao thông và các hạng mục có liên quan đến công trình đường bộ, đường sắt).
- Mã ngành 3312: Sửa chữa máy móc, thiết bị (Chi tiết: Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc, thiết bị cơ khí dùng cho ngành xây dựng (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại))
- Mã ngành 4290: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Mã ngành 4312: Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình).
- Mã ngành 4390: Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Thi công đóng ép cọc, khoan cọc nhồi, xử lý nền móng công trình);
- Mã ngành 4933: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thường, bê tông tươi và bê tông siêu trường, siêu trọng (Chi hoạt động khi đáp ứng các quy định pháp luật về vận tải).
- Mã ngành 7110: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường bộ); Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế máy móc và thiết bị (trừ phương tiện vận tải).
- Mã ngành 7120: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Chi tiết: Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất; Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu; Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy)
- Mã ngành 6810: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Mã ngành 4100: Xây dựng nhà các loại.
- Mã ngành 2592: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công cơ khí tại trụ sở chính; trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)
- Mã ngành 3320: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Mã ngành 3314: Sửa chữa thiết bị điện (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại).
- Mã ngành 4321: Lắp đặt hệ thống điện
- Mã ngành 4322: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- Mã ngành 4329: Lắp đặt hệ thống xây dựng khác